

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định nội dung và mức chi phục vụ công tác bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp
nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân
năm 2015;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết
toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Xét Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về ban hành quy định nội dung và mức chi phục vụ công tác bầu
cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ
2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân
sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức
chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng
nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 20 tháng 01 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *Th*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- TT.Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo PY, Đài PT-THPY;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH *Th*



Cao Thị Hòa An

QUY ĐỊNH

**Nội dung và mức chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 01 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung và mức chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Chương II MỨC CHI Ở CẤP TỈNH

Điều 3. Chi bồi dưỡng các cuộc họp

1. Hội Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban Bầu cử, các Ban bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử:

- a) Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.
- c) Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

- a) Chủ trì cuộc họp: 120.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.
- c) Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 4. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban bầu cử và các Ban bầu cử tỉnh

1. Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí bầu cử, các đoàn công tác được chi như sau:

- a) Trưởng đoàn giám sát: 120.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 70.000 đồng/người/buổi.
- c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử tỉnh: 1.200.000 đồng/văn bản.

b) Xin ý kiến văn bản các cá nhân, chuyên gia: 100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.

c) Chinh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 400.000 đồng/văn bản.

Điều 5. Chi xây dựng văn bản

Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, có nội dung liên quan đến công tác bầu cử do Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh ban hành (kế hoạch, chỉ thị, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong tỉnh):

1. Xây dựng văn bản: 1.400.000 đồng/văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

2. Xin ý kiến văn bản các cá nhân, chuyên gia: 100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.

Điều 6. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ bầu cử

1. Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng:

a) Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử tỉnh; Thư ký Ủy ban bầu cử tỉnh: 1.500.000 đồng/người/tháng.

b) Các thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng, phó các Ban bầu cử, các Tiểu ban bầu cử tỉnh: 1.300.000 đồng/người/tháng.

c) Thành viên các Tiểu ban bầu cử tỉnh; Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 1.000.000 đồng/người/tháng.

d) Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng trên được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 4 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng theo mức chi và thời gian cao nhất. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã tham gia tại các Tiểu ban, các Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh) mức bồi dưỡng 70.000 đồng/người/ngày; thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử; ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).

3. Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử nhiều hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.200.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 120.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ bầu cử

1. Hỗ trợ theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng:

a) Trưởng, Phó Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử tỉnh; Thư ký Ủy ban bầu cử tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng.

b) Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử tỉnh; Trưởng Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Trưởng các Tiểu ban bầu cử tỉnh, Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 200.000 đồng/người/tháng.

c) Phó ban và Thư ký Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Trưởng ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó các Tiểu ban bầu cử tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 150.000 đồng/người/tháng.

d) Phó ban và Thư ký Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 100.000 đồng/người/tháng.

2. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ quyết định danh sách cán bộ tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động, mức khoán hỗ trợ tối đa không quá 150.000 đồng/người/tháng.

3. Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 4 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng

theo mức chi và thời gian cao nhất. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi hỗ trợ thực hiện theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử

1. Người được giao trực tiếp công dân: 70.000 đồng/người/buổi.
2. Người phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

Chương III
MỨC CHI Ở CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Điều 9. Chi bồi dưỡng các cuộc họp cấp huyện

1. Các cuộc họp Ủy ban Bầu cử, các Ban bầu cử:
 - a) Chủ trì cuộc họp: 120.000 đồng/người/buổi
 - b) Thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.
 - c) Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.
2. Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:
 - a) Chủ trì cuộc họp: 100.000 đồng/người/buổi.
 - b) Thành viên tham dự: 70.000 đồng/người/buổi.
 - c) Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

Điều 10. Chi bồi dưỡng các cuộc họp cấp xã

1. Các cuộc họp Ủy ban Bầu cử, các Ban bầu cử, các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:
 - a) Chủ trì cuộc họp: 100.000 đồng/người/buổi.
 - b) Thành viên tham dự: 70.000 đồng/người/buổi.
 - c) Người phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.
2. Hội nghị cử tri nơi cư trú:
 - a) Chủ trì hội nghị: 70.000 đồng/người/buổi.
 - b) Người phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Hội nghị tiếp xúc cử tri vận động bầu cử đối với ứng cử viên đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chi theo chứng từ thực tế, tối đa 500.000 đồng/điểm.

Điều 11. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Thường vụ huyện, thị, thành ủy; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Thường trực Ủy ban bầu cử cấp huyện

1. Ngoài chế độ thành toán công tác phí theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí bầu cử, các đoàn công tác được chi như sau:
 - a) Trưởng đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 70.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát: 400.000 đồng/văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

Điều 12. Chi xây dựng văn bản cấp huyện, cấp xã

Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, có nội dung liên quan đến công tác bầu cử do Ban Thường vụ huyện, thị, thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử ban hành (kế hoạch, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử):

1. Cấp huyện 800.000 đồng/văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

2. Cấp xã 400.000 đồng/văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

Điều 13. Chi bồi dưỡng, hỗ trợ cho những người trực tiếp phục vụ bầu cử cấp huyện, cấp xã

1. Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng:

a) Ban Thường vụ huyện, thị, thành ủy; Thường trực Ủy ban bầu cử, Thư ký Ủy ban bầu cử; Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị xã, thành phố: 900.000 đồng/người/tháng.

b) Ủy viên Ủy ban bầu cử cấp huyện: 600.000 đồng/người/tháng.

c) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban bầu cử, Thư ký Ủy ban bầu cử, cấp xã: 350.000 đồng/người/tháng.

d) Ủy viên Ủy ban bầu cử cấp xã: 200.000 đồng/người/tháng.

đ) Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng trên được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 3 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng theo mức chi và thời gian cao nhất. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử: Bồi dưỡng 60.000 đồng/người/ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân).

3. Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): Chi bồi dưỡng 120.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ bầu cử cấp huyện, cấp xã

1. Hỗ trợ theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng:

a) Thường trực huyện, thị, thành ủy; Thành viên Ủy ban bầu cử; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện: 150.000 đồng/người/tháng.

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp xã: 100.000 đồng/người/tháng.

2. Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 3 tháng. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng theo mức chi và thời gian cao nhất. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi hỗ trợ thực hiện theo quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 15. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử tại cấp huyện, cấp xã

1. Người được giao tiếp công dân: 70.000 đồng/người/buổi.

2. Người phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

Chương IV

CHI KHÁC CHO CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ

Điều 16. Chi đóng hòm phiếu

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung, thay mới, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.

Điều 17. Chi khắc dấu

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, khắc dấu mới, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

Điều 18. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, thay mới, mức chi tối đa 1.200.000 đồng/bảng.

Điều 19. Khoán kinh phí cho Tổ bầu cử

Tổ bầu cử được khoán để chi văn phòng phẩm, trang trí, âm thanh, ánh sáng khu vực bỏ phiếu: 800.000 đồng/Tổ bầu cử.

Điều 20. Chi bồi dưỡng cho việc lập danh sách, viết, phát thẻ cử tri

Khoản việc lập danh sách, viết, phát thẻ cử tri 500 đồng/thẻ cử tri. Trường hợp đã hưởng các mức chi nêu trên thì không hưởng theo mức chi này.

Các quy định khác không nêu trong Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Chương V KINH PHÍ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Kinh phí

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An